

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được

nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; tiêu chuẩn sản xuất; tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ <i>(hàng hóa được đánh giá theo yêu cầu về kỹ thuật tại khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT).</i>	- Có bảng kê khai thông số kỹ thuật đầy đủ các loại hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu, trong đó ghi chú rõ đặc tính thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT được duyệt. - Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, công nghệ của hàng hóa, thiết bị dự thầu mà nhà thầu đề xuất hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định khoản 1.2 Mục 1 Chương V của E-HSMT. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác nhưng nhà thầu phải chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương hoặc cao hơn/công nghệ tiên tiến tốt hơn so với yêu cầu. Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa của E-HSMT là yêu cầu tối thiểu. - Nhà thầu phải kê khai đầy đủ và rõ ràng vào Mẫu số 10B (Webform trên Hệ thống) các nội dung: Ký mã hiệu (Model), nhãn hiệu, năm sản xuất, xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ), hãng sản xuất của từng loại hàng hóa, thiết bị dự thầu. - Cung cấp Catalogue của hãng sản xuất và thông tin trang Web, đường link web hoặc được hãng sản xuất xác nhận để	Đạt

	chứng minh các thông số kỹ thuật chào thầu như sau: + <i>Tivi các loại;</i> + <i>Máy vi tính;</i> + <i>Máy in;</i> + <i>Hệ thống âm thanh di động.</i> - Có đầy đủ nội dung cam kết theo yêu cầu tại Mục E-CDNT 10.8 thuộc Chương I Phần 1 E-HSMT.	
	Không đáp ứng các yêu cầu trên	Không đạt
2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. Cụ thể như sau: a). Biện pháp nhập khẩu hoặc sản xuất hoặc cung cấp thiết bị: Có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể. b). Biện pháp vận chuyển đảm bảo chất lượng: - Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển. - Phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt c). Biện pháp lắp đặt tại đơn vị sử dụng: Thuyết minh hợp lý về biện pháp thi công lắp đặt tại đơn vị sử dụng; d). Biện pháp vận hành chạy thử và hướng dẫn sử dụng: Có biện pháp vận hành chạy thử và hướng dẫn sử dụng.	Có thuyết minh các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế cho cả 04 nội dung a), b), c) và d).	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ hoặc không hiệu quả kinh tế hoặc không hợp lý hoặc không khả thi về trình tự và yêu cầu kỹ thuật cho cả 04 nội dung a), b), c) và d).	Không đạt
3. Bảo hành, bảo trì		
3.1. Thời gian Bảo hành, bảo trì		

Thời gian bảo hành, bảo trì. (Khuyến khích nhà thầu tăng thời gian bảo hành, bảo trì so với yêu cầu của E-HSMT)	- Thời gian bảo hành: + ≥ 24 tháng đối với thiết bị: Máy vi tính và tivi các loại; + ≥ 12 tháng đối với tất cả các thiết bị còn lại. - Thời gian bảo trì: + ≥ 03 lần/năm, tổng thời gian cung cấp dịch vụ bảo trì ≥ 24 tháng đối với thiết bị: Máy vi tính và tivi các loại + ≥ 03 lần/năm, tổng thời gian cung cấp dịch vụ bảo trì ≥ 12 tháng đối với tất cả các thiết bị còn lại.	Đạt
	- Thời gian bảo hành: + < 24 tháng đối với thiết bị: Máy vi tính và tivi các loại; + < 12 tháng đối với tất cả các thiết bị còn lại. - Thời gian bảo trì: + < 03 lần/năm, tổng thời gian cung cấp dịch vụ bảo trì < 24 tháng đối với thiết bị: Máy vi tính và tivi các loại + < 03 lần/năm, tổng thời gian cung cấp dịch vụ bảo trì < 12 tháng đối với tất cả các thiết bị còn lại.	Không đạt
3.2. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: a) Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; b) Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; c) Năng lực cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế.	Có thuyết minh mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì cho cả 03 nội dung a), b) và c).	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì nhưng không đầy đủ 03 nội dung a), b) và c).	Không đạt
4. Mức độ đáp ứng yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng hàng hóa.		
Thuyết minh mức độ đáp ứng yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên	Có thuyết minh mức độ đáp ứng yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng hàng hóa.	Đạt

quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng hàng hóa	Không thuyết minh mức độ đáp ứng yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng hàng hóa.	Không đạt
5. Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về địa lý.	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam.	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam và đề xuất biện pháp giải quyết.	Chấp nhận được
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam.	Không đạt
6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết.	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết.	Chấp nhận được
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết.	Không đạt
7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		
Thuyết minh phương án tiếp nhận, bàn giao với đơn vị sử dụng; phương án hỗ trợ hướng dẫn bổ sung nếu đơn vị sử dụng có yêu cầu, số điện thoại liên hệ; Thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	Có thuyết minh phương án tiếp nhận, bàn giao với đơn vị sử dụng; phương án hỗ trợ hướng dẫn bổ sung nếu đơn vị sử dụng có yêu cầu, số điện thoại liên hệ; Thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	Đạt
	Không thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ phương án tiếp nhận, bàn giao với đơn vị sử dụng; Phương án hỗ trợ hướng dẫn bổ sung nếu đơn vị sử dụng có yêu cầu, số điện thoại liên hệ;	Không đạt

	Thời gian giao hàng; Đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	
8. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (≤ 90 ngày - kể từ ngày khởi công, có tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật).	Có bảng tiến độ chi tiết (có sơ đồ hoặc có bảng tiến độ chi tiết) trong đó phải thể hiện cụ thể nội dung các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian thi công theo quy định của E-HSMT (≤ 90 ngày - có tính đến điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật). Cụ thể: - Thời gian nhập khẩu hoặc sản xuất hoặc cung cấp thiết bị và tập kết đến đơn vị sử dụng. - Thời gian lắp đặt thiết bị tại đơn vị sử dụng. - Thời gian vận hành, chạy thử, hướng dẫn sử dụng, đào tạo chuyển giao công nghệ và nghiệm thu bàn giao.	Đạt
	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc đề xuất thời gian thi công > 90 ngày hoặc thời gian thi công ≤ 90 ngày nhưng không tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật.	Không đạt
9. Yếu tố thân thiện với môi trường		
Chứng minh tất cả hàng hoá có yếu tố thân thiện với môi trường: - Hàng hoá dự thầu không chỉ tiêu thụ ít điện năng mà còn có tuổi thọ cao, giảm thiểu lượng rác thải điện tử; - Sản phẩm được tạo ra từ các nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá	Nhà thầu có thuyết minh hoặc có cam kết tất cả hàng hoá có yếu tố thân thiện với môi trường: - Hàng hoá dự thầu không chỉ tiêu thụ ít điện năng mà còn có tuổi thọ cao, giảm thiểu lượng rác thải điện tử; - Sản phẩm được tạo ra từ các nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá sử dụng, thải bỏ, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người	Đạt

trình sử dụng, thải bỏ, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người	Không có thuyết minh hoặc không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ tất cả hàng hoá có yếu tố thân thiện với môi trường: - Hàng hoá dự thầu không chỉ tiêu thụ ít điện năng mà còn có tuổi thọ cao, giảm thiểu lượng rác thải điện tử; - Sản phẩm được tạo ra từ các nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sử dụng, thải bỏ, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người	Không đạt
10. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa và chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định.		
- Thuyết minh, cam kết không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu; - Thuyết minh, cam kết về việc không bị vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng tương tự đã thực hiện kể từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu.	- Nhà thầu phải có thuyết minh, cam kết không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. <i>(Trường hợp chậm tiến độ hoặc bỏ dở không do lỗi của nhà thầu phải có văn bản xác nhận của Chủ đầu tư để chứng minh).</i> - Nhà thầu phải có thuyết minh, cam kết về việc không bị vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng tương tự đã thực hiện kể từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. <i>(Trường hợp phát hiện có nhà thầu vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng tương tự đã thực hiện kể từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu mà không kê khai sẽ bị đánh giá không đạt và xử lý vi phạm theo Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu).</i>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
KẾT LUẬN:	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	ĐẠT
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	KHÔNG ĐẠT